

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ THÁI BÌNH  
TỈNH THÁI BÌNH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 52/2025/HS-ST

Ngày: 01 - 4 - 2025

**NHÂN DANH NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THÁI BÌNH, TỈNH THÁI BÌNH**

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Quang Trác

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Hoàng Thị Phụng

2. Ông Vũ Tiến Thịnh

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông Nguyễn Duy Long – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thái Bình

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Bình tham gia phiên tòa: Bà Đào Thị Kim Cúc - Kiểm sát viên

Trong các ngày 27/3/2025 và ngày 01/4/2025, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 27/2025/TLST-HS ngày 21/02/2025, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 39/2025/QĐXXST-HS ngày 06/3/2025; Thông báo về việc thay đổi thời gian xét xử vụ án số: 09/TB-TA ngày 19/3/2025 đối với các bị cáo:

**1. Vũ Thị C**, sinh ngày 22/8/1967 tại huyện V, tỉnh Thái Bình. Nơi cư trú: SN A, ngõ G, đường D, tổ A, phường P, thành phố T, tỉnh Thái Bình; Giới tính: Nữ; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 07/10; Con ông Vũ Văn T và bà Trần Thị S (đều đã chết); chồng: Trần Mạnh T1, sinh năm 1976; có 02 con, con lớn sinh năm 1988, con nhỏ sinh năm 1991; Tiền án, tiền sự: Không. Bị tạm giữ từ ngày 19/12/2024 đến ngày 27/12/2024 được thay thế bằng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú, hiện tại ngoại có mặt tại phiên tòa.

**2. Phạm Văn N**, sinh ngày 03/3/1982 tại tỉnh Thái Bình. Nơi cư trú: SN B, đường số C, khu đô thị P, tổ E, phường Q, thành phố T, tỉnh Thái Bình; Giới tính: Nam; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 08/12; Con ông Phạm Văn H, sinh năm 1953 và bà Nguyễn Thị H1, sinh năm 1957; Vợ: Trịnh Thị P, sinh năm 1987; có 02 con, con lớn sinh năm 2006, con nhỏ sinh năm 2014. Tiền án, tiền sự: Không. Bị tạm giữ từ ngày 19/12/2024 đến ngày 27/12/2024 được thay thế bằng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú, hiện tại ngoại có mặt tại phiên tòa.

**3. Đỗ Thị H2**, sinh ngày 09/6/1988 tại tỉnh Thái Bình. Nơi cư trú: SN C, ngõ C, đường Đ, tổ E, phường B, thành phố T, tỉnh Thái Bình; Giới tính: Nữ; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 12/12; Con ông Đỗ Nguyên C1, sinh năm 1960 và bà Vũ Thị T2 (đã chết); Chồng: Lê Thành T3, sinh năm 1984, có 03 con, con lớn sinh năm 2008, con

nhỏ sinh năm 2020. Tiền án, tiền sự: Không. Bị tạm giữ từ ngày 19/12/2024 đến ngày 27/12/2024 được thay thế bằng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú, hiện tại ngoại có mặt tại phiên tòa.

**4. Ngô Thị Thu H3**, sinh ngày 24/5/1968 tại tỉnh Thái Bình. Nơi cư trú: SN I, đường H, tổ C, phường L, thành phố T, tỉnh Thái Bình; Giới tính: Nữ; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 07/10; Con ông Ngô Văn L và bà Phạm Thị T4 (đều đã chết). Nhân thân: Ngày 01/3/2011, Công an huyện V, tỉnh Thái Bình xử phạt vi phạm hành chính về hành vi “Đánh bạc” với số tiền 2.000.000 đồng; (nộp phạt ngày 04/3/2011); Bản án số 59/2011/HSST ngày 28/12/2011 của Tòa án nhân dân tỉnh Thái Bình xử phạt 18 tháng tù về tội “Đánh bạc” (chấp hành xong hình phạt tù ngày 13/11/2012). Đối với việc nộp 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm, do sơ suất nên Cục thi hành án dân sự tỉnh Thái Bình chưa ra quyết định thi hành án. Sau khi kiểm tra, ngày 14/01/2025, Cục thi hành án dân sự tỉnh Thái Bình đã ra quyết định thi hành án và thông báo cho H3 để nộp, cùng ngày, H3 đã nộp xong 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm. Tiền án, tiền sự: Không. Bị tạm giữ từ ngày 19/12/2024 đến ngày 27/12/2024 được thay thế bằng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú, hiện tại ngoại có mặt tại phiên tòa.

**5. Vũ Thị T5**, sinh ngày 18/12/1983 tại tỉnh Thái Bình. Nơi cư trú: ngách B, ngõ B, đường L, tổ F, phường T, thành phố T, tỉnh Thái Bình; Giới tính: Nữ; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 10/12; Con ông Vũ Sơn H4 và bà Vũ Thị T6 (đều đã chết); Chồng: Phạm Thành L1, sinh năm 1994; có 02 con, con lớn sinh năm 2007, con nhỏ sinh năm 2023. Tiền án, tiền sự: Không. Bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú, hiện tại ngoại có mặt tại phiên tòa.

**6. Vũ Thị Hồng N1**, sinh ngày 05/02/1988 tại tỉnh Thái Bình. Nơi cư trú: ngõ I, đường L, tổ A, xã P, thành phố T, tỉnh Thái Bình; Giới tính: Nữ; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 12/12; Con ông Vũ Văn A, sinh năm 1967 và bà Hoàng Thị H5, sinh năm 1970; chồng: Phạm Trung K, sinh năm 1988; có 02 con, con lớn sinh năm 2011, con nhỏ sinh năm 2017. Tiền án, tiền sự: Không. Bị tạm giữ từ ngày 19/12/2024 đến ngày 27/12/2024 được thay thế bằng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú, hiện tại ngoại có mặt tại phiên tòa.

**7. Nguyễn Bá K1**, sinh ngày 08/4/1964 tại tỉnh Thái Bình. Nơi cư trú: thôn Đ, xã N, huyện Đ, tỉnh Thái Bình; Giới tính: Nam; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 07/10; Con ông Nguyễn Bá T7 và bà Nguyễn Thị G (đều đã chết); vợ: Phạm Thị T8, sinh năm 1960; có 02 con, con lớn sinh năm 1996, con nhỏ sinh năm 2005. Nhân thân: Từ năm 1983 đến năm 1986 tham gia Q. Ngày 20/5/2008 bị Công an huyện Đ, tỉnh Thái Bình xử phạt vi phạm hành chính về hành vi đánh bạc bằng hình thức phạt 1.500.000 đồng (nộp tiền phạt ngày 20/5/2008). Bản án số 11/2012/HSST ngày 02/3/2012 của Tòa án nhân dân huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình xử phạt 5.000.000 đồng về tội “Đánh bạc” (đã nộp 5.000.000 đồng và 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm ngày 11/4/2012). Ngày 14/8/2012 bị Công an huyện Đ, tỉnh Thái Bình xử

phạt vi phạm hành chính về hành vi đánh bạc bằng hình thức phạt 1.500.000 đồng (đã chấp hành xong). Tiền án, tiền sự: Không. Bị tạm giữ từ ngày 19/12/2024 đến ngày 27/12/2024 được thay thế bằng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú, hiện tại ngoại có mặt tại phiên tòa.

**8. Nguyễn Thị Mỹ H6**, sinh ngày 14/4/1978 tại tỉnh Thái Bình. Nơi cư trú: thôn N, xã V, thành phố T, tỉnh Thái Bình; Giới tính: Nữ; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 12/12; Con ông Nguyễn Văn L2 và bà Nguyễn Thị T9 (đều đã chết); chồng: Nguyễn Văn H7, sinh năm 1975; có 03 con, con lớn sinh năm 2000, con nhỏ sinh năm 2018. Tiền án, tiền sự: Không. Bị tạm giữ từ ngày 19/12/2024 đến ngày 27/12/2024 được thay thế bằng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú, hiện tại ngoại có mặt tại phiên tòa.

\* Người chứng kiến:

- Anh Trần Mạnh T1, sinh năm 1976

Địa chỉ: SN A, ngõ G, đường D, tổ A, phường P, thành phố T, tỉnh Thái Bình

- Ông Nhâm Văn H8, sinh năm 1948

Địa chỉ: SN B, ngõ G, đường D, tổ A, phường P, thành phố T, tỉnh Thái Bình.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 12 giờ 30 phút ngày 19/12/2024, khi Vũ Thị C đang ở nhà thì có Nguyễn Bá K1, Nguyễn Thị Mỹ H6, Vũ Thị Hồng N1, Vũ Thị T5, Phạm Văn N, Ngô Thị Thu H3 và Đỗ Thị H2 là bạn lần lượt đến chơi. Sau đó cả nhóm ngồi uống nước, nói chuyện, khi đang ngồi uống nước, cả nhóm nhìn thấy 02 bộ bài tú lơ khơ để ở dưới gầm bàn nước nên đã cùng rủ nhau chơi đánh bạc thắng thua bằng tiền dưới hình thức đánh phỏm. Khoảng 13 giờ cùng ngày, cả 08 người đi lên phòng tầng 02 nhà C và ngồi thành 02 chiếc bạc, mỗi chiều 04 người trên thăm nỉ đã trải sẵn trên nền nhà. Chiều thứ nhất gồm có: Nguyễn Thị Mỹ H6, ngồi phía bên phải H6 là Vũ Thị Hồng N1, ngồi cạnh N1 là Nguyễn Bá K1, ngồi cạnh K1 là Vũ Thị Tuyết. Chiều thứ hai gồm có: Phạm Văn N, ngồi phía bên phải N là Ngô Thị Thu H3, ngồi cạnh H3 là Vũ Thị C, ngồi cạnh C là Đỗ Thị H2.

Những người chơi đã thống nhất như sau: Tại mỗi chiều bạc, người chơi sử dụng bộ bài tú lơ khơ 52 quân chia đều cho 04 người chơi mỗi người 9 quân bài, người chia bài được 10 quân bài. Những quân bài còn lại được đặt úp ở giữa chiều bạc để những người chơi rút bài trong các vòng đánh, người chia bài là người được đánh quân bài đầu tiên, nếu người liên kề bên phải không thể ăn được quân bài hoặc không muốn ăn quân bài đó thì người này phải bốc 01 quân bài đặt úp ở giữa chiều bạc, rồi đánh 01 quân bài trên tay cho người liên kề tiếp theo bên phải. Ván bài kết thúc khi có 01 người thắng ù (Ù có nghĩa là trên tay có 03 phỏm hoặc dây dọc cùng chất thứ tự liên tiếp nhau và không lẻ quân bài nào trên tay), 03 người chơi phải trả tiền cho người thắng ù mỗi người 100.000 đồng, đồng thời người thắng ù phải bỏ vào hộp nhựa 20.000 đồng tiền thu hồ cho C chủ nhà. Nếu ván bài đó không có ai ù thì đánh 04 vòng sẽ kết thúc, lúc này mọi người chơi trình phỏm ra trước mặt để so sánh điểm, ai thấp điểm nhất thì về nhất ván bài đó, người về nhất sẽ thu tiền của

người về nhì 20.000 đồng, thu của người về ba 40.000 đồng, thu của người về bét (tứ) 60.000 đồng. Người có bài bị cháy (có nghĩa là không có phỏm nào) thì phải trả cho người về nhất 80.000 đồng. Cứ như vậy sau khi thanh toán xong thì sẽ tiếp tục ván bài mới.

Cả 08 người ngồi đánh bạc đến khoảng 14 giờ 10 phút cùng ngày thì bị lực lượng Công an thành phố T bắt quả tang. T10 tại chiếu bạc thứ nhất gồm: 01 bộ bài tú lơ khơ 52 quân; thu trên chiếu bạc tại vị trí N1 ngồi số tiền 540.000 đồng, thu trên người N1 số tiền 500.000 đồng; thu trên chiếu bạc tại vị trí K1 ngồi số tiền 550.000 đồng, thu trên người K1 số tiền 1.000.000 đồng; thu trên chiếu bạc tại vị trí T5 ngồi số tiền 1.030.000 đồng, thu trên người T5 số tiền 1.910.000 đồng; thu trên chiếu bạc tại vị trí H6 ngồi số tiền 390.000 đồng, thu trên người H6 số tiền 1.010.000 đồng. T10 tại chiếu bạc thứ hai gồm: 01 bộ bài tú lơ khơ 52 quân; thu trên chiếu bạc tại vị trí N ngồi số tiền 320.000 đồng, thu 01 ví giả da màu đen của N, trong ví có số tiền 5.500.000 đồng; thu trên chiếu bạc tại vị trí H3 ngồi số tiền 1.220.000 đồng; thu trên chiếu bạc tại vị trí C ngồi số tiền 490.000 đồng, thu trên người C số tiền 6.200.000 đồng; thu trên chiếu bạc tại vị trí H2 ngồi số tiền 1.830.000 đồng. Ngoài ra, giữa hai chiếu bạc còn có 01 hộp nhựa trong suốt bên trong có 300.000 đồng. Công an thành phố đã lập biên bản bắt người phạm tội quả tang, biên bản niêm phong đồ vật, tài liệu bị tạm giữ và đưa những người trên về trụ sở Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố T, tỉnh Thái Bình để làm việc. Quá trình điều tra, xác định:

Chiếu bạc thứ nhất gồm: Vũ Thị T5, Vũ Thị Hồng N1, Nguyễn Bá K1 và Nguyễn Thị Mỹ H6 đã sử dụng tổng số tiền để đánh bạc là 7.110.000 đồng và thắng thua như sau:

- Vũ Thị T5 mang theo 2.300.000 đồng và sử dụng toàn bộ số tiền này để đánh bạc, khi lực lượng Công an bắt quả tang thì T5 có tổng số tiền 2.940.000 đồng. Như vậy T5 đã thắng được 640.000 đồng.

- Vũ Thị Hồng N1 mang theo 1.950.000 đồng và sử dụng toàn bộ số tiền này để đánh bạc, khi lực lượng Công an bắt quả tang thì N1 có tổng số tiền 1.040.000 đồng. Như vậy N1 đã thua 910.000 đồng.

- Nguyễn Bá K1 mang theo 1.500.000 đồng và sử dụng toàn bộ số tiền này để đánh bạc, khi lực lượng Công an bắt quả tang thì K1 có tổng số tiền 1.550.000 đồng. Như vậy K1 đã thắng được 50.000 đồng.

- Nguyễn Thị Mỹ H6 mang theo 1.360.000 đồng và sử dụng toàn bộ số tiền này để đánh bạc, khi lực lượng Công an bắt quả tang thì H6 có tổng số tiền 1.400.000 đồng. Như vậy H6 đã thắng được 40.000 đồng.

Chiếu bạc thứ 02 gồm: Vũ Thị C, Phạm Văn N, Đỗ Thị H2 và Ngô Thị Thu H3 đã sử dụng tổng số tiền đánh bạc là 15.680.000 đồng và thắng thua cụ thể như sau:

- Vũ Thị C mang theo 7.300.000 đồng và sử dụng toàn bộ số tiền này để đánh bạc, khi lực lượng Công an bắt quả tang thì C có tổng số tiền 6.690.000 đồng. Như vậy C đã thua 610.000 đồng.

- Phạm Văn N mang theo 6.250.000 đồng và sử dụng toàn bộ số tiền này để đánh bạc, khi lực lượng Công an bắt quả tang thì N có tổng số tiền 5.820.000 đồng. Như vậy N đã thua 430.000 đồng.

- Đỗ Thị H2 mang theo 1.080.000 đồng và sử dụng toàn bộ số tiền này để đánh bạc, khi lực lượng Công an bắt quả tang thì H2 có tổng số tiền 1.830.000 đồng. Như vậy H2 đã thắng được 750.000 đồng.

- Ngô Thị Thu H3 mang theo 1.050.000 đồng và sử dụng toàn bộ số tiền này để đánh bạc, khi lực lượng Công an bắt quả tang thì H3 có tổng số tiền 1.220.000 đồng. Như vậy H3 đã thắng được 170.000 đồng.

Quá trình đánh bạc, không có người canh coi, không có người cho vay, cầm cố tài sản, chỉ có Vũ Thị C là chủ nhà thu được 300.000 đồng tiền hồ.

Bản cáo trạng số: 37/CT-VKSTP ngày 19 tháng 02 năm 2025, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Bình đã truy tố: bị cáo Vũ Thị C về tội ‘Gá bạc’ theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 322 Bộ luật hình sự và tội ‘Đánh bạc’ theo quy định tại khoản 1 Điều 321 Bộ luật Hình sự; các bị cáo Phạm Văn N, Đỗ Thị H2, Ngô Thị Thu H3, Vũ Thị T5, Vũ Thị Hồng N1, Nguyễn Bá K1 và Nguyễn Thị Mỹ H6 về tội ‘Đánh bạc’ theo quy định tại khoản 1 Điều 321 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, các bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như Cáo trạng đã nêu. Kiểm sát viên giữ nguyên quan điểm truy tố đối với các bị cáo như Cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên:

\* *Tội danh*: Đề nghị tuyên bố bị cáo Vũ Thị C phạm tội Gá bạc quy định tại điểm b khoản 1 Điều 322 BLHS và Đánh bạc quy định tại khoản 1 Điều 321 BLHS, các bị cáo Phạm Văn N, Đỗ Thị H2, Ngô Thị Thu H3, Vũ Thị T5, Vũ Thị Hồng N1, Nguyễn Bá K1 và Nguyễn Thị Mỹ H6 phạm tội Đánh bạc theo quy định tại khoản 1 Điều 321 BLHS.

\* *Hình phạt*:

- Áp dụng điểm b khoản 1, 3 Điều 322; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38; Điều 35; Điều 50 BLHS đề nghị xử phạt bị cáo Vũ Thị C từ 01 năm đến 01 năm 03 tháng.

Phạt bổ sung bị cáo từ 15.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng.

Áp dụng khoản 1, 3 Điều 321; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 38; Điều 35; Điều 50; Điều 58 BLHS đề nghị xử phạt bị cáo Vũ Thị C từ 06 tháng tù đến 09 tháng tù.

Phạt bổ sung bị cáo từ 7.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng.

Áp dụng Điều 55 BLHS, buộc bị cáo C phải chấp hành hình phạt chung của cả 02 tội từ 01 năm 06 tháng đến 02 năm tù. Phạt bổ sung từ 22.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng.

- Áp dụng khoản 1, 3 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 50; Điều 38; Điều 35 BLHS đề nghị xử phạt bị cáo Phạm Văn N từ 06 tháng tù đến 09 tháng tù. Phạt bổ sung bị cáo từ 7.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng.

- Áp dụng khoản 1, 3 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 50; Điều 58; Điều 38; Điều 35 BLHS đề nghị xử phạt bị cáo Đỗ Thị H2 từ 06 tháng đến 09 tháng tù. Phạt bổ sung bị cáo từ 7.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng.

- Áp dụng khoản 1, 3 Điều 321; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 50; Điều 58; Điều 38; Điều 35 BLHS đề nghị xử phạt bị cáo Ngô Thị Thu H3 từ 06 tháng đến 09 tháng tù. Phạt bổ sung bị cáo từ 7.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng.

- Áp dụng khoản 1, 3 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 50; Điều 58; Điều 38; Điều 35 BLHS đề nghị xử phạt bị cáo Vũ Thị T5 từ 06 tháng đến 09 tháng tù. Phạt bổ sung bị cáo từ 7.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng.

- Áp dụng khoản 1, 3 Điều 321; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 50; Điều 58; Điều 38; Điều 35 BLHS đề nghị xử phạt bị cáo Nguyễn Bá K1 từ 06 tháng tù đến 09 tháng tù. Phạt bổ sung bị cáo từ 7.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng.

- Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 50; Điều 58; Điều 35 BLHS đề nghị xử phạt bị cáo Vũ Thị Hồng N1, Nguyễn Thị Mỹ H6 mỗi bị cáo từ 50.000.000 đồng đến 60.000.000 đồng.

\* Xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự, Điều 106 Bộ luật Tố tụng Hình sự, đề nghị tuyên:

- Tịch thu sung quỹ nhà nước 22.790.000 đồng là số tiền các bị cáo sử dụng vào việc đánh bạc và 300.000 đồng là tiền hồ bị cáo C thu.

- Tịch thu tiêu hủy 02 bộ bài tú lơ khơ 52 quân, 02 thảm nỉ đỏ đã qua sử dụng và 01 hộp nhựa đã qua sử dụng.

- Trả lại bị cáo Phạm Văn N 01 ví giả da màu đen đã qua sử dụng.

\* Về án phí : Các bị cáo Vũ Thị C, Phạm Văn N, Đỗ Thị H2, Ngô Thị Thu H3, Vũ Thị T5, Vũ Thị Hồng N1, Nguyễn Bá K1 và Nguyễn Thị Mỹ H6 phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Các bị cáo không có tranh luận.

Lời nói sau cùng: Các bị cáo đều xin hưởng mức án thấp nhất.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, các bị cáo,

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố T, Điều tra viên, cán bộ điều tra, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Bình, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo, người làm chứng không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa hôm nay cũng như tại Cơ quan điều tra, các bị cáo đều khai nhận: Trong khoảng thời gian từ 13 giờ 00 phút đến 14 giờ 10 phút, ngày 19/12/2024, Vũ Thị C đã dùng nhà ở của mình để cho các bị cáo Phạm Văn N, Đỗ Thị H2, Ngô Thị Thu H3, Vũ Thị T5, Vũ Thị Hồng N1, Nguyễn Bá K1 và Nguyễn Thị Mỹ H6 đánh bạc trên 02 chiếu bạc, được thua bằng tiền dưới hình thức đánh

‘Phôm’’, mặt khác bị cáo C cũng trực tiếp đánh bạc và thu tiền hồ với số tiền 300.000 đồng. Lời khai của các bị cáo tại phiên tòa đều phù hợp với lời khai của các bị cáo tại giai đoạn điều tra, đều thống nhất và là chứng cứ buộc tội cho nhau, phù hợp với lời khai của những người chứng kiến. Ngoài ra còn được chứng minh bằng các chứng cứ như: Biên bản bắt người phạm tội quả tang; Biên bản khám nghiệm hiện trường, sơ đồ hiện trường, bản ảnh hiện trường; Biên bản tạm giữ đồ vật, tài liệu; Bản kết luận giám định số 1959/KL-KTHS ngày 06/01/2025 của Phòng K2 Công an tỉnh T, cùng các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án. Như vậy có đủ căn cứ kết luận hành vi của bị cáo Vũ Thị C phạm tội ‘Gá bạc’ theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 322 Bộ luật hình sự và tội ‘Đánh bạc’ theo quy định tại khoản 1 Điều 321 Bộ luật Hình sự. Các bị cáo Phạm Văn N, Đỗ Thị H2, Ngô Thị Thu H3, Vũ Thị T5, Vũ Thị Hồng N1, Nguyễn Bá K1 và Nguyễn Thị Mỹ H6 phạm tội ‘Đánh bạc’ theo quy định tại khoản 1 Điều 321 Bộ luật hình sự; tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 322 Bộ luật hình sự và khoản 1 Điều 321 Bộ luật hình sự.

*Điều 322: Tội tổ chức đánh bạc hoặc gá bạc:*

*“1. Người nào tổ chức đánh bạc hoặc gá bạc trái phép thuộc một trong các trường hợp sau đây thì bị phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 300.000.000 đồng hoặc phạt tù từ 01 năm đến 05 năm.*

*b) Sử dụng địa điểm thuộc quyền sở hữu hoặc quản lý của mình để cho 01 người đánh bạc trở lên trong cùng một lúc mà tổng số tiền, hiện vật dùng đánh bạc trị giá 5.000.000 đồng trở lên hoặc cho 02 chiếu bạc trở lên trong cùng một lúc mà tổng số tiền, hiện vật dùng đánh bạc trị giá 5.000.000 đồng trở lên.*

*3. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng hoặc tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản”.*

**Điều 321 Bộ luật Hình sự: Tội đánh bạc.**

*“1. Người nào đánh bạc trái phép dưới bất kỳ hình thức nào được thua bằng tiền hay hiện vật trị giá từ 5.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 5.000.000 đồng, đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi này hoặc hành vi quy định tại Điều 322 của Bộ luật này hoặc bị kết án về tội này hoặc tội quy định tại điều 322 của Bộ luật này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm.*

*3. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng”*

[3] Đánh giá tính chất, vai trò, hậu quả vụ án thấy rằng: Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm phạm đến trật tự, an toàn công cộng, tệ nạn cờ bạc đã gây sự chia rẽ, ly tán đối với nhiều gia đình, gây tư tưởng hoang mang, lo lắng trong quần chúng nhân dân. Bị cáo C thừa nhận đã dùng nhà ở thuộc quyền sở hữu, quản lý của mình để cho các bị cáo N, H2, H3, T5, N1, K1, H6 đánh bạc trên 02 chiếu bạc, đồng thời cũng trực tiếp đánh bạc và thu lợi 300.000 đồng. Các bị cáo T5, N1, K1, H6 đều khai thống nhất về tổng số tiền đánh bạc là: 7.110.000 đồng; các bị cáo C, N, H2, H3 đều khai tổng số tiền đánh bạc là:

15.680.000 đồng. Việc đưa các bị cáo ra xét xử và áp dụng mức hình phạt tương ứng với hành vi, hậu quả vụ án của các bị cáo là phù hợp pháp luật.

[4] Bị cáo C cho các bị cáo đánh bạc ở nhà mình, sau đó có tham gia đánh bạc nên chỉ đồng phạm về hành vi đánh bạc.

[5] Đây là vụ án đồng phạm giản đơn, không có sự câu kết chặt chẽ giữa những người cùng thực hiện tội phạm. Bị cáo C là chủ nhà, số tiền sử dụng đánh bạc nhiều nhất nên giữ vai trò thứ nhất. Các bị cáo còn lại vai trò được chia theo số tiền sử dụng đánh bạc trên từng chiều bạc.

[6] Bị cáo C tuy có nhân thân tốt nhưng phạm nhiều tội cùng lúc. Các bị cáo H3, K1 có nhân thân xấu, đã từng bị Tòa án xét xử về tội Đánh bạc và nhiều lần bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi đánh bạc. Các bị cáo N, H2, T5 đánh bạc với số tiền nhiều hơn các bị cáo khác nên lần phạm tội này cần cách ly các bị cáo C, H3, K1, N, H2, T5 ra khỏi đời sống xã hội một thời gian nhất định để các bị cáo nhận thức được sai lầm của bản thân, tu dưỡng, rèn luyện để sớm trở về gia đình làm lại cuộc đời, trở thành công dân lương thiện sống có ích cho gia đình và xã hội. Còn các bị cáo N1, H6 có nhân thân tốt, có nơi cư trú rõ ràng, số tiền đánh bạc không nhiều; bị cáo N1 hiện đang phải nuôi hai con nhỏ; bị cáo H6 mắc bệnh ung thư nên không cần phải cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội; áp dụng hình phạt tiền đối với bị cáo N1, H6 cũng đủ tác dụng răn đe, giáo dục, cải tạo các bị cáo trở thành công dân lương thiện.

[7] Ngoài hình phạt chính cần áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo. Tuy nhiên thấy các bị cáo C, N, H2, T5, H3, K1 đều là lao động thuần túy, thu nhập không ổn định nên áp dụng khoản 2, 3 Điều 35; khoản 3 Điều 322 Bộ luật hình sự phạt bị cáo C 10.000.000 đồng nộp ngân sách Nhà nước. Áp dụng khoản 3 Điều 321; Điều 35 Bộ luật hình sự, phạt các bị cáo C, N, H2, T5, H3 mỗi bị cáo 10.000.000 đồng nộp ngân sách Nhà nước; bị cáo K1 có đơn xin giảm nhẹ hình phạt bổ sung, mặt khác là người cao tuổi nên phạt bổ sung bị cáo 5.000.000 đồng nộp ngân sách Nhà nước. Bị cáo N1, H6 đã áp dụng hình phạt chính là phạt tiền nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo N1, H6.

[8] Đối với anh Trần Mạnh T1 (là chồng của bị cáo Vũ Thị C): Thời điểm các bị cáo đến nhà C chơi và đánh bạc anh T1 đang ngủ trong phòng ngủ tầng 01 nên không biết việc các bị cáo đánh bạc tại nhà mình. Do đó, Cơ quan điều tra không xử lý đối với anh T1.

[9] Về biện pháp tư pháp, xử lý vật chứng và tài sản bị tạm giữ:

[9.1] Đối với 02 bộ bài tú lơ khơ 52 quân đã qua sử dụng; 02 tấm nỉ màu đỏ có nhiều họa tiết hoa văn đã qua sử dụng; 01 hộp nhựa đã qua sử dụng, quá trình điều tra xác định đây là công cụ các bị cáo dùng vào việc phạm tội, không còn giá trị sử dụng nên tịch thu, tiêu hủy.

[9.2] Toàn bộ số tiền trong 01 phong bì hoàn trả mẫu vật giám định, mặt trước phong bì ghi “Toàn bộ số tiền cần giám định và bao gói niêm phong theo Quyết định trưng cầu giám định số 2728/QĐ-ĐCSHS ngày 30/12/2024 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố T”, xác định đây là tiền các bị cáo dùng vào việc phạm tội nên tịch thu sung ngân sách Nhà nước.

[9.3] Trả lại bị cáo N 01 ví giả da màu đen đã qua sử dụng

[10] Về án phí: Các bị cáo C, N, H3, H2, T5, N1, H6 phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật; Bị cáo K1 là người cao tuổi nên miễn tiền án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo.

Các bị cáo có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH**

1. Tuyên bố: Bị cáo Vũ Thị C phạm tội ‘Gá bạc’ và tội ‘Đánh bạc’. Các bị cáo Phạm Văn N, Đỗ Thị H2, Ngô Thị Thu H3, Vũ Thị T5, Vũ Thị Hồng N1, Nguyễn Bá K1 và Nguyễn Thị Mỹ H6 phạm tội ‘Đánh bạc’.

- Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 322; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 50; Điều 58; Điều 38 Bộ luật hình sự; xử phạt bị cáo Vũ Thị C: 01 (một) năm tù về tội ‘Gá bạc’. Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 50; Điều 58; Điều 38 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Vũ Thị C: 08 (tám) tháng tù về tội ‘Đánh bạc’. Áp dụng Điều 55 Bộ luật hình sự, tổng hợp hình phạt của hai tội, buộc bị cáo Vũ Thị C phải chấp hành hình phạt chung là: 01 (một) năm 08 (tám) tháng tù; thời hạn tù tính từ ngày chấp hành án, được trừ thời hạn tạm giữ từ ngày 19/12/2024 đến ngày 27/12/2024.

Áp dụng khoản 3 Điều 322; Điều 35 Bộ luật hình sự; phạt bổ sung bị cáo Vũ Thị C 10.000.000 đồng về tội “Gá bạc”; Áp dụng khoản 3 Điều 321; Điều 35 Bộ luật hình sự; phạt bổ sung bị cáo Vũ Thị C 10.000.000 đồng về tội “Đánh bạc”. Tổng hợp hình phạt bổ sung là: 20.000.000 đồng.

- Áp dụng khoản 1, 3 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 50; Điều 38; Điều 35 BLHS xử phạt bị cáo Phạm Văn N: 08 (tám) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày chấp hành án, được trừ thời hạn tạm giữ từ ngày 19/12/2024 đến ngày 27/12/2024. Phạt bổ sung bị cáo 10.000.000 đồng sung ngân sách Nhà nước.

- Áp dụng khoản 1, 3 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 50; Điều 58; Điều 38; Điều 35 BLHS xử phạt bị cáo Đỗ Thị H2: 07 (bảy) tháng tù; thời hạn tù tính từ ngày chấp hành án, được trừ thời hạn tạm giữ từ ngày 19/12/2024 đến ngày 27/12/2024. Phạt bổ sung bị cáo 10.000.000 đồng sung ngân sách Nhà nước.

- Áp dụng khoản 1, 3 Điều 321; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 50; Điều 58; Điều 38; Điều 35 BLHS xử phạt bị cáo Ngô Thị Thu H3: 07 tháng tù; thời hạn tù tính từ ngày chấp hành án, được trừ thời hạn tạm giữ từ ngày 19/12/2024 đến ngày 27/12/2024. Phạt bổ sung bị cáo 10.000.000 đồng sung ngân sách Nhà nước.

- Áp dụng khoản 1, 3 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 50; Điều 58; Điều 38; Điều 35 BLHS xử phạt bị cáo Vũ Thị T5: 07 (bảy) tháng tù; thời hạn tù tính từ ngày chấp hành án. Phạt bổ sung bị cáo 10.000.000 đồng sung ngân sách Nhà nước.

- Áp dụng khoản 1, 3 Điều 321; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 50; Điều 58; Điều 38; Điều 35 BLHS xử phạt bị cáo Nguyễn Bá K1: 08 (tám) tháng tù; thời hạn tù tính từ ngày chấp hành án; được trừ thời hạn tạm giữ từ ngày 19/12/2024 đến ngày 27/12/2024. Phạt bổ sung bị cáo 5.000.000 đồng sung ngân sách Nhà nước.

- Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 50; Điều 58; Điều 35 BLHS xử phạt các bị cáo:

+ Vũ Thị Hồng N1 số tiền 50.000.000 đồng sung ngân sách Nhà nước.

+ Nguyễn Thị Mỹ H6 số tiền 40.000.000 đồng sung ngân sách Nhà nước.

Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo N1, H6.

\* Về vật chứng vụ án: Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự ; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự, tuyên:

- Tịch thu sung ngân sách Nhà nước toàn bộ số tiền trong 01 phong bì hoàn trả mẫu vật giám định, mặt trước phong bì ghi “Toàn bộ số tiền cần giám định và bao gói niêm phong theo Quyết định trưng cầu giám định số 2728/QĐ-ĐCSHS ngày 30/12/2024 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố T”.

- Tịch thu tiêu hủy 02 bộ bài tú lơ khơ 52 quân đã qua sử dụng; 02 tấm ni màu đỏ có nhiều họa tiết hoa văn đã qua sử dụng; 01 hộp nhựa đã qua sử dụng

- Trả lại bị cáo N 01 ví giả da màu đen đã qua sử dụng;

\* Về án phí: Áp dụng khoản 2 điều 136 Bộ luật Tố tụng Hình sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội: Buộc các bị cáo Vũ Thị C, Phạm Văn N, Đỗ Thị H2, Ngô Thị Thu H3, Vũ Thị T5, Vũ Thị Hồng N1 và Nguyễn Thị Mỹ H6 mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo K1 là người cao tuổi nên áp dụng điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội: Miễn tiền án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo K1.

Các bị cáo Vũ Thị C, Phạm Văn N, Đỗ Thị H2, Ngô Thị Thu H3, Vũ Thị T5, Vũ Thị Hồng N1, Nguyễn Bá K1, Nguyễn Thị Mỹ H6 có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

**Nơi nhận:**

- VKSND tỉnh Thái Bình;
- VKSND thành phố Thái Bình;
- CQCSĐT Công an tỉnh Thái Bình;
- Các bị cáo;
- Chi cục THADS thành phố Thái Bình;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

**Nguyễn Quang Trác**